TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995,

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Hữu Đ, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/3/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn lớn; thời gian trước vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ, nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái. Từ khi kết hôn, anh chị sống cùng bố mẹ anh Đ ở xã M, sau khi sinh con đầu *(vào tháng 01/2014)* chị và con về sống cùng bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương để nhờ bố mẹ chị trông nom con cùng, còn anh Đ vẫn sống cùng bố mẹ anh Đ ở xã M. Cuối tuần vào thứ 7 và chủ nhật, chị và con lại về xã M sống cùng gia đình anh Đ. Từ tháng 3/2017, vợ chồng mâu thuẫn lớn, nên cuối tuần chị cũng không về xã M nữa. Anh Đ đã đến nhà bố mẹ chị chửi bới, đe dọa, xúc phạm gia đình chị. Hiện anh chị đã sống ly thân. Từ khi chị gửi đơn ly hôn đến Tòa án, anh Đ không đến Tòa án làm việc nhưng nhiều lần đến nhà chị gây sự, chửi bới, xúc phạm gia đình chị. Ngày 23/5/2017, chị về thăm con hiện đang ở với anh Đ và ông bà nội ở xã M thì anh Đ đã đánh chị gây thương tích chấn thương tụ máu mắt và chấn thương cổ tay, chị đã trình báo Công an xã M và Công an huyện K, tỉnh Hải Dương giải quyết. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên đề nghị xin được ly hôn anh Vũ Hữu Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 11/01/2014 và Vũ Thị Thu H, sinh ngày 28/4/2016. Trước đây hai cháu vẫn ở cùng chị tại nhà bố mẹ chị ở xã T. Khi vợ chồng mâu thuẫn lớn vào tháng 3/2017, anh Đ đón cháu Vũ Thị H về ở cùng anh Đ, còn cháu Vũ Thị Thu H còn nhỏ hiện vẫn đang ở với chị. Chị xin được nuôi cả hai con chung. Chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị hiện làm công nhân giầy da ở xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Thu nhập khoảng 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Nếu nuôi con, chị và các cháu vẫn sống cùng bố mẹ chị ở xã T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Vũ Hữu Đ và bà Trương Thị B là bố mẹ đẻ của anh Vũ Hữu Đ, trình bày: Các tài liệu, văn bản của Tòa án gửi cho anh Đ, ông bà đã giao lại cho anh Đ, anh Đ đi làm trên tàu, hôm về hôm không, anh Đ không nhất trí ly hôn nên không xuống Tòa án làm việc. Việc anh Đ xô xát đánh chị L không có gì là to tát. Anh chị có hai con chung là cháu Vũ Thị H và cháu Vũ Thị Thu H, hiện cháu Vũ Thị Thu H thì ở với chị L, cháu Vũ Thị H vẫn ở với ông bà, do ông bà nuôi. Việc chị L xin ly hôn anh Đ và xin nuôi con, quan

điểm của ông bà là việc của anh chị do anh chị quyết định, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh Đ đến tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập anh Đ đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị L giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Vũ Hữu Đ. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị H, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 28/4/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 650.000 đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 9/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Anh Đ phải chịu án phí về việc có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Vũ Hữu Đ kết hôn vào năm 2013, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn với gia đình hai bên, anh Đ còn có hành vi bạo lực, đánh chị L. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, anh Đ cũng không có giải pháp gì để cải thiện

quan hệ vợ chồng, mà bỏ mặc quan hệ vợ chồng đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh Đ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L xin được ly hôn anh Vũ Hữu Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Vũ Hữu Đ có hai con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 11/01/2014 và Vũ Thị Thu H, sinh ngày 28/4/2016, hiện cháu Vũ Thị H đang ở với anh Đ và ông bà nội, cháu Vũ Thị Thu H ở với chị L. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh Đ không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị L thì thấy, cháu Vũ Thị Thu H mới hơn một tuổi đang ở với chị L, còn cháu Vũ Thị H mới hơn 3 tuổi hiện ở với anh Đ và ông bà nội, do anh Đ đón về nuôi từ tháng 3/2017. Trước thời điểm tháng 3/2017, cháu Vũ Thị H vẫn ở với chị L và ông bà ngoại, từ khi cháu Vũ Thị H ở với ông bà nội và anh Đ, anh Đ bỏ mặc cho ông bà nội nuôi, anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con, còn bố mẹ anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét hai cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu Vũ Thị H và cháu Vũ Thị Thu H, Toà án giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị H và cháu Vũ Thị Thu H đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của chị L là chính đáng nên anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét anh Đ là lao động phổ thông, nghề nghiệp không ổn định. Vì vậy, Tòa án buộc anh Đ hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu = 1/2 mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định *(Lương tối thiểu hiện nay là 1.300.000/tháng)* = 650.000 đồng/tháng/cháu *(hai cháu là 1.300.000 đồng/tháng)*, kể từ tháng 9/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Vũ Hữu Đ hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự về việc cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Vũ Hữu Đ.

2. Về con chung:

Có hai con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 11/01/2014 và Vũ Thị Thu H, sinh ngày 28/4/2016. Giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị H và cháu Vũ Thị Thu H; hàng tháng anh Vũ Hữu Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trần Thị L là 650.000 đồng/tháng/cháu *(hai cháu là 1.300.000 đồng/tháng)*, kể từ tháng 9/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cải trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí:

Chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0001592 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Vũ Hữu Đ phải nộp án phí sơ thẩm về việc hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn